TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và ông Huỳnh Văn Vy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2023, về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tôn Nữ Quỳnh T, sinh năm 1969. Địa chỉ: H tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/4/2023.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn D, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/5/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/02/2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Tôn Nữ Quỳnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Nữ Quỳnh T và ông Nguyễn D cưới nhau vào năm 1991, hai người chung sống với nhau đến ngày 06/10/2006 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tính không hợp, ông D thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, ham chơi cờ bạc, không chăm lo đến cuộc sống gia đình; vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên cải vã, xúc phạm nhau. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn.

Do không thể sống chung với ông D nên từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà T xác định tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D.

Về con chung: Bà T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 25/6/1992; Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2000. Cả 2 người con đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Nguyễn D trình bày: Ông và bà Tôn Nữ Quỳnh T đăng ký kết hôn ngày 06/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Phú Lộc. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên xảy ra cải vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Ông không đồng ý ly hôn bà T vì vợ chồng đã già, để cùng nhau nuôi day con cái trưởng thành.

Về con chung: Ông D trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 25/6/1992; Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2000. Cả 2 người con đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí xử buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Nữ Quỳnh T và ông Nguyễn D cưới nhau vào năm 1991, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông D xảy ra mâu thuẫn, do tính tính không hợp, không tin tưởng nhau, ông D thường xuyên nhậu say xỉn, ham chơi cờ bạc, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T

[2.2] Về việc nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 25/6/1992; Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2000. Cả 2 người con đều trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tôn Nữ Quỳnh T. Bà Tôn Nữ Quỳnh T được ly hôn ông Nguyễn D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tôn Nữ Quỳnh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004277 ngày 15/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã L, huyện Phú Lộc;
(đăng ký ngày 06/10/2006)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Thảo